

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum”
(Trữ lượng tính đến ngày 25 tháng 6 năm 2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 470/GP-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Công ty TNHH NNB Kon Tum được thăm dò khoáng sản cát làm VLXDTT tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Công ty TNHH NNB Kon Tum.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 430/TTr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2019 (*Kèm theo hồ sơ và Biên bản họp thẩm định Báo cáo thăm dò khoáng sản ngày 17 tháng 7 năm 2019*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum”, với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 1,5ha (có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo kết quả thăm dò cấp 122: 21.260 m³ (Hai mươi một ngàn, hai trăm sáu mươi mét khối).

3. Tài nguyên cấp 333: Dự tính tài nguyên khoáng sản cát cấp 333 bồi lắng trong 5 năm liền kề 60.000 m³.

4. Các khoáng sản đi kèm: Trữ lượng sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 122: 5.315 m³ (Năm ngàn, ba trăm mười lăm mét khối).

5. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: Trung bình 1,85 m (chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này).

6. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 122 huy động vào thiết kế khai thác: 21.260 m³ (Hai mươi một ngàn, hai trăm sáu mươi mét khối).

- Các khoáng sản đi kèm: Trữ lượng sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 122 huy động vào thiết kế khai thác: 5.315 m³ (Năm ngàn, ba trăm mười lăm mét khối).

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Biên bản họp thẩm định ngày 17 tháng 7 năm 2019.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy; Giám đốc Công ty TNHH NNB Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

**TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT
TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 <i>Kinh tuyến trục 107^o30', múi chiếu 3^o</i>	
	X (m)	Y (m)
1	1.600.633	574.856
2	1.600.624	574.977
3	1.600.686	575.082
4	1.600.789	575.196
5	1.600.761	575.212
6	1.600.657	575.107
7	1.600.586	574.982
8	1.600.598	574.850
	Diện tích: 1,5 ha	

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu của khối trữ lượng (trung bình)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	122	1,85 m	21.260	Cát vàng
			5.315	Sạn, sỏi
Tổng trữ lượng			26.575	